

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại	2
Điều 4. Kinh phí bảo đảm thi hành án đối với pháp nhân thương mại	2
Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI.....	3
Điều 5. Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án.....	3
Điều 6. Xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án	3
Điều 7. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án	4
Điều 8. Hồ sơ thi hành án.....	4
Điều 9. Công bố quyết định thi hành án, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp	4
Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án	6
Điều 11. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp	7
Chương III: CHUYÊN GIAO NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN TRONG TRƯỜNG HỢP PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TỔ CHỨC LẠI.....	7
Điều 12. Xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại	7
Điều 13. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách	8
Điều 14. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập.....	8
Điều 15. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.....	9
Chương IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI.....	9
Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.....	9
Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại	9
Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, ngành trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.....	10
Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.....	10
Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	10
Điều 20. Hiệu lực thi hành	10
Điều 21. Trách nhiệm thi hành.....	10

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ VỀ THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017);

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về thi hành án đối với pháp nhân thương mại quy định tại các Điều 160, 164 và 165 của Luật Thi hành án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với pháp nhân thương mại chấp hành án (gọi tắt là pháp nhân thương mại); cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Điều 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu (sau đây gọi chung là cơ quan thi hành án hình sự) chủ trì tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Thi hành án hình sự phải có trách nhiệm phối hợp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Kinh phí bảo đảm thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại do ngân sách nhà nước chi trả.

2. Kinh phí thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại của cơ quan thi hành án hình sự được dự toán trong nguồn kinh phí phục vụ công tác thi hành án hình sự hằng năm.

3. Kinh phí thực hiện các hoạt động thi hành án đối với pháp nhân thương mại của các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được dự toán, quyết toán vào kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan đó.

Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 5. Tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án

1. Cơ quan thi hành án hình sự khi nhận được bản án, quyết định thi hành án phải kiểm tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 159 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp phát hiện những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định, cơ quan thi hành án hình sự phải có ngay văn bản đề nghị Tòa án đã ra bản án, quyết định thi hành án giải thích, sửa chữa.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định phân công cán bộ thụ lý việc thi hành án để thực hiện thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo về việc thực hiện các công việc, biện pháp để thi hành bản án, quyết định thi hành án, trừ trường hợp đã nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải thực hiện các công việc, biện pháp theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện cho cơ quan thi hành án hình sự.

Điều 6. Xác định cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm trong thi hành án

1. Căn cứ bản án, quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự xác định các cơ quan có liên quan đến hoạt động của pháp nhân thương mại để phối hợp thi hành án đối với pháp nhân thương mại có hiệu quả.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự phải ra quyết định về danh sách các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và gửi văn bản yêu cầu phối hợp tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại cho các cơ quan đó, kèm theo quyết định thi hành án. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ nội dung các biện pháp cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện theo Điều 164 Luật Thi hành án hình sự để đảm bảo việc thi hành án có hiệu quả.

3. Ngay sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Thi hành án hình sự được nêu trong văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án hình sự về việc thực hiện yêu cầu trong thi hành án và việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để theo dõi, lưu hồ sơ thi hành án.

Điều 7. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải gửi giấy triệu tập đến người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thực hiện việc thông báo và yêu cầu thi hành án. Nội dung giấy triệu tập phải nêu rõ họ tên, chức vụ người được triệu tập; mục đích, nội dung làm việc; thời gian, địa điểm phải có mặt.

Cơ quan thi hành án hình sự gửi thông báo về việc triệu tập và làm việc với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại cho Viện kiểm sát cùng cấp biết và phân công Kiểm sát viên thực hiện việc kiểm sát (nếu cần thiết).

2. Thành phần làm việc với người được triệu tập gồm có: Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự hoặc Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự được ủy quyền chủ trì; cán bộ trực tiếp thụ lý việc thi hành án và một số cán bộ thuộc cơ quan thi hành án hình sự; người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại; đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể mời thêm cán bộ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại tham dự buổi làm việc. Kết thúc buổi làm việc phải lập biên bản có chữ ký của người chủ trì, người được triệu tập, cán bộ thụ lý việc thi hành án, đại diện Viện kiểm sát (nếu tham dự buổi làm việc).

3. Trường hợp người được triệu tập không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải báo cáo bằng văn bản và được cơ quan thi hành án hình sự chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự lùi buổi làm việc sang thời điểm khác nhưng không được quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án.

Trường hợp người được triệu tập cố tình không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự lập biên bản vắng mặt và vẫn tiếp tục tổ chức thi hành án.

Điều 8. Hồ sơ thi hành án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải lập hồ sơ thi hành án, mỗi pháp nhân thương mại lập một hồ sơ thi hành án.

2. Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm quản lý, bổ sung tài liệu hồ sơ đảm bảo có đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 161 Luật Thi hành án hình sự.

3. Việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách thi hành án đối với pháp nhân thương mại thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Công bố quyết định thi hành án, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp

1. Công bố quyết định thi hành án

a) Đối với cơ quan thi hành án hình sự:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự đăng tải quyết định trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chưa có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công an cấp tỉnh. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử

của Công an cấp tỉnh thì đăng tải trên trang thông tin của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu không có trang thông tin điện tử riêng thì đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

b) Đối với pháp nhân thương mại:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải công bố quyết định thi hành án trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm của pháp nhân thương mại và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của pháp nhân thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Thi hành án hình sự; thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về kết quả thực hiện.

Cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để đảm bảo duy trì việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án. Trường hợp pháp nhân thương mại vi phạm, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại phải công bố, niêm yết; tùy theo mức độ có thể bị lập biên bản vi phạm, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Đối với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thi hành án hình sự, các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại được cơ quan thi hành án hình sự xác định theo quy định tại Điều 6 Nghị định này phải thực hiện việc công bố quyết định thi hành án trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện đăng tải, công bố quyết định thi hành án trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý.

d) Việc công bố, niêm yết quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải được duy trì trong suốt thời gian thi hành án.

2. Công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình ngay sau khi cấp giấy. Trường hợp chưa có trang thông tin điện tử thì thực hiện công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện như công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Pháp nhân thương mại thực hiện công bố, niêm yết giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố, niêm yết thực hiện như đối với công bố, niêm yết quyết định thi hành án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện việc công bố giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 03 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được giấy đó. Việc công bố thực hiện như đối với công bố quyết định thi hành án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Thời hạn duy trì việc công bố, niêm yết giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày công bố, niêm yết.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành án của pháp nhân thương mại trong thời gian chấp hành án

1. Pháp nhân thương mại phải thực hiện việc báo cáo cơ quan thi hành án hình sự bằng văn bản về tình hình, kết quả chấp hành án theo định kỳ 03 tháng một lần (trừ trường hợp thời hạn chấp hành án dưới 03 tháng).

Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng về kết quả thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Trường hợp cần xác minh, làm rõ việc có liên quan đến thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự yêu cầu pháp nhân thương mại báo cáo, làm rõ bằng văn bản. Pháp nhân thương mại phải chấp hành việc báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình cho cơ quan thi hành án hình sự.

3. Kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại:

a) Sau khi nhận được báo cáo của pháp nhân thương mại quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định này, cơ quan thi hành án hình sự phải tổ chức kiểm tra việc thi hành án của pháp nhân thương mại trên thực tế;

b) Trong quá trình chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại;

c) Trong thời hạn 15 ngày trước khi hết thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự căn cứ vào yêu cầu đảm bảo việc thi hành án để tiến hành kiểm tra việc chấp hành án của pháp nhân thương mại để có cơ sở thực hiện cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp;

d) Khi thực hiện kiểm tra, nếu thấy cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự có thể đề nghị cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại cử cán bộ tham gia kiểm tra, mời các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn để hỗ trợ việc kiểm tra. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại phải phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự trong thực hiện kiểm tra; cử cán bộ có khả năng chuyên môn phù hợp tham gia kiểm tra. Pháp nhân thương mại phải phối hợp và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thi hành án hình sự trong quá trình kiểm tra;

đ) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại phải được lập biên bản để lưu hồ sơ thi hành án. Cơ quan thi hành án hình sự báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng kết quả kiểm tra sau mỗi lần kiểm tra;

e) Việc kiểm tra đối với pháp nhân thương mại chỉ được thực hiện trong phạm vi của việc thi hành án, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động khác của pháp nhân thương mại.

Điều 11. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp

1. Việc cấp và gửi giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 166 Luật Thi hành án hình sự.

a) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn, cơ quan thi hành án hình sự cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn chấp hành án;

b) Đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, khi có căn cứ xác định pháp nhân thương mại không còn khả năng khôi phục hoạt động trở lại thì cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại xác minh, lập biên bản làm căn cứ kết thúc việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

c) Đối với biện pháp tư pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, cơ quan thi hành án hình sự cấp giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong biện pháp tư pháp.

2. Trường hợp pháp nhân thương mại giải thể, phá sản cơ quan thi hành án hình sự tiến hành làm thủ tục kết thúc việc thi hành án như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại để lập biên bản xác định việc pháp nhân thương mại giải thể, phá sản;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại và gửi quyết định đó cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, pháp nhân thương mại và cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại;

c) Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thực hiện công bố quyết định chấm dứt việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại. Việc công bố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định này.

Chương III: CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN TRONG TRƯỜNG HỢP PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TỔ CHỨC LẠI

Điều 12. Xem xét, quyết định việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại

1. Pháp nhân thương mại khi có kế hoạch tổ chức lại phải có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại về dự kiến việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong khi tổ chức lại để giải quyết về thủ tục thi hành án. Báo cáo phải nêu rõ tình hình, kết quả chấp hành án; phương hướng, trách nhiệm thi hành án của pháp nhân thương mại sau khi tổ chức lại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại trong khi xem xét, giải quyết cho pháp nhân thương mại được tổ chức lại phải có văn bản thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để chủ động trong việc tổ chức thi hành án khi pháp nhân thương mại tổ chức lại.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi của cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản đề nghị Tòa án đã ra

quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp cho ý kiến về việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại khi tổ chức lại.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải có văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại và pháp nhân thương mại về việc thi hành án khi tổ chức lại.

4. Trường hợp pháp nhân thương mại được tổ chức lại, cơ quan thi hành án hình sự có trách nhiệm thông báo về nghĩa vụ thi hành án sau khi tổ chức lại cho Sở Tư pháp nơi pháp nhân thương mại trước khi tổ chức lại có trụ sở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 13. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách

1. Nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách như sau:

a) Trường hợp nội dung, lĩnh vực phải thi hành án được giao toàn bộ cho một pháp nhân thương mại mới thì pháp nhân thương mại mới đó chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án;

b) Trường hợp nội dung, lĩnh vực thi hành án được giao cho các pháp nhân thương mại mới khác nhau thì các pháp nhân thương mại mới thực hiện theo nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao.

2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được chia, tách thực hiện như sau:

a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quân khu của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;

b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quân khu thì cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở tiến hành lập hồ sơ thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.

Cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi chia, tách có trách nhiệm sao gửi tài liệu trong hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ chấp hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án.

3. Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi được chia, tách được tính vào thời gian chấp hành án của các pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.

Điều 14. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập

1. Pháp nhân thương mại tiếp nhận pháp nhân thương mại đang chấp hành án khi hợp nhất, sáp nhập có trách nhiệm tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án của pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập.

2. Việc thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại được hợp nhất, sáp nhập như sau:

a) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở thuộc cùng phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, phạm vi cấp quân khu của pháp nhân thương mại trước khi được hợp nhất, sáp nhập thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;

b) Trường hợp pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh, ngoài phạm vi cấp quận khu thì cơ quan thi hành án hình sự đang thi hành án đối với pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự nơi pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án có trụ sở để tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này;

c) Thời gian đã chấp hành án của pháp nhân thương mại trước khi hợp nhất, sáp nhập được tính vào thời hạn chấp hành án của pháp nhân thương mại tiếp nhận nghĩa vụ thi hành án.

Điều 15. Thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

1. Trường hợp pháp nhân thương mại chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì không làm thay đổi nghĩa vụ thi hành án. Pháp nhân thương mại có trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

2. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại có trách nhiệm cung cấp thông tin về việc pháp nhân thương mại chấp hành án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cho cơ quan thi hành án hình sự để tiếp tục tổ chức thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án sự cấp quận khu tiếp tục thực hiện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định này.

Chương IV: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 195 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

c) Công bố thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

d) Ban hành các biểu mẫu, sổ sách theo dõi thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

đ) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 196 Luật Thi hành án hình sự trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự cấp quận thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- c) Công bố các thông tin có liên quan đến thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- d) Thống kê, báo cáo về thi hành án đối với pháp nhân thương mại;
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, ngành trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại.
2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc để phối hợp với Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quận thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:
 - a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 204 Luật Thi hành án hình sự;
 - b) Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thuộc quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:
 - a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thi hành án đối với pháp nhân thương mại trên địa bàn;
 - b) Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại thuộc quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.
3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thực hiện thi hành án đối với pháp nhân thương mại xảy ra trên địa bàn.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b)

Nguyễn Xuân Phúc



HUNG THANG LAW FIRM

Keep believe in